ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5039/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 136/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP và Nghị định số 54/2026/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị Quyết số 303/NQ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 2 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Đề cương chi tiết, dự toán kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030; Văn bản số 305/TT-BKTNS ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đính chính một số nội dung tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh tại Tờ trình số 11016/TTr-SXD ngày 09 tháng 10 năm 2026 về việc Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 *(có Thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 đính kèm)* với một số nội dung chính như sau:

1. Tổng hợp mục tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ các mục tiêu cụ thể về phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030 đã được xác định tại nội dung điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030 và kết quả phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025, mục tiêu phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030 được xác định như sau:

STT	Loại hình nhà ở	Mục tiêu giai đoạn 2021-2030		Đã thực hiện giai đoạn 2021-2025		Thực hiện giai đoạn 2026-2030	
		Số căn	Diện tích sàn (m²)	Số căn	Diện tích sàn (m²)	Số căn	Diện tích sàn (m²)
1	Nhà ở thương mại	56.000	12.182.000	7.825	2.226.252	48.175	9.955.748
2	Nhà ở xã hội *(mục tiêu tối thiểu)*	9.800	844.100	3.162	330.850	6.638	513.250
3	Nhà ở công vụ	1.020	61.200	133	8.566	887	52.634
4	Nhà ở do hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	246.300	32.031.300	72.286	9.184.198	174.014	22.847.102
TỔNG CỘNG		**313.120**	**45.118.600**	**83.406**	**11.749.866**	**229.714**	**33.368.734**

2. Chỉ tiêu phát triển nhà ở

2.1. Chỉ tiêu diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người

Đến năm 2030, hoàn thành chỉ tiêu về diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đã được xác định trong điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể: toàn tỉnh đạt khoảng 32,8 m^2 sàn/người, trong đó khu vực đô thị 34,0 m^2 sàn/người và khu vực nông thôn 31,7 m^2 sàn/người.

Trong từng năm của giai đoạn 2026 - 2030, phấn đấu diện tích nhà ở bình quân đầu người chung toàn tỉnh và tại khu vực đô thị, nông thôn có sự tăng trưởng năm sau cao hơn so với năm trước.

2.2. Chỉ tiêu diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với từng loại hình dự án đầu tư xây dựng nhà ở

a) Nhà ở thương mại

Trong giai đoạn 2026 - 2030, tổng diện tích sàn nhà ở thương mại do chủ đầu tư xây dựng để kinh doanh sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng theo dự án là khoảng 9.955.748 m^2 sàn.

b) Nhà ở xã hội

Trong giai đoạn 2026 - 2030, tổng diện tích sàn nhà ở xã hội tối thiểu hoàn thành theo dự án là 6.638 căn nhà, tương đương với khoảng 513.250 m^2 sàn, trong đó:

- Giai đoạn 2026 - 2028: phấn đấu hoàn thành khoảng 2.766 căn nhà, tương ứng với khoảng 213.870 m^2 sàn;

- Giai đoạn 2029 - 2030: phấn đấu hoàn thành 3.872 căn nhà ở xã hội tương ứng với khoảng 299.380 m^2 sàn. Trong đó, năm 2030 phấn đấu hoàn thành tối thiểu 250 căn nhà ở xã hội để cho thuê.

Chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội tối thiểu giai đoạn 2026 - 2030 được xác định tối thiểu là 6.638 căn, trong đó 5.828 căn theo chỉ tiêu Chính phủ giao tại Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2026 và 810 căn bổ sung để bảo đảm hoàn thành mục tiêu tối thiểu theo điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030 đã được phê duyệt. Trong tổng số chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 303/NQ-CP, phấn đấu hoàn thành tối thiểu 250 căn nhà ở xã hội cho thuê theo tiến độ Kế hoạch.

Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

Đối với mục tiêu phấn đấu phát triển nhà ở xã hội đáp ứng tối đa nhu cầu theo điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt trong toàn giai đoạn 2021 - 2030 là 32.325 căn nhà, khoảng 2.788.600 m^2 sàn *(Trong đó: Giai đoạn 2021 - 2025 đã thực hiện hoàn thành là 3.162 căn, khoảng 330.850 m2 sàn)*. Vậy đối với nhu cầu thực tế mục tiêu phấn đấu phát triển nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua, cho thuê đáp ứng tối đa theo điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt trong giai đoạn 2026 - 2030 còn lại là 29.163 căn, khoảng 2.457.750 m^2 sàn, kế hoạch thực hiện như sau:

- Đối với nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua, toàn giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu hoàn thành tối đa 23.330 căn, khoảng 2.166.100 m^2 sàn, trong đó:

+ Giai đoạn 2026 - 2028: phấn đấu hoàn thành 5.943 căn nhà, khoảng 501.038 m^2 sàn;

+ Giai đoạn 2029 - 2030: phấn đấu hoàn thành tối đa thêm khoảng 17.387 căn, khoảng 1.665.062 m^2 sàn.

- Đối với nhà ở cho thuê, toàn giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu hoàn thành tối đa khoảng 5.833 căn, khoảng 291.650 m^2 sàn, trong đó:

+ Giai đoạn 2026 - 2028: phấn đấu hoàn thành tối đa khoảng 2.200 căn nhà ở cho thuê, khoảng 110.000 m^2 sàn tại các đô thị động lực và các khu vực phát triển trên địa bàn tỉnh *(trong đó chủ yếu là trên địa bàn đặc khu Phú Quốc);*

+ Giai đoạn 2029 - 2030: phấn đấu hoàn thành tối đa khoảng 3.633 căn nhà ở cho thuê, khoảng 181.650 m^2 sàn tại các đô thị động lực và các khu vực phát triển trên địa bàn tỉnh *(trong đó chủ yếu là trên địa bàn đặc khu Phú Quốc).*

c) Nhà ở công vụ

Trong giai đoạn 2026 - 2030, số lượng nhà ở công vụ sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng là 887 căn nhà ở công vụ tương ứng với khoảng 52.634 m^2 sàn. Bao gồm:

- Quỹ nhà ở công vụ cấp tỉnh: 269 căn, khoảng 16.159 m^2 sàn *(khoảng 03 dãy nhà 4 tầng)*; nghiên cứu phương án đầu tư xây dựng tại khu vực dự kiến trong phạm vi khuôn viên Trường Chính trị tỉnh. Vị trí, quy mô và phương án đầu tư cụ thể được xác định trên cơ sở quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhu cầu sử dụng, khả năng cân đối nguồn vốn và các quy định pháp luật có liên quan.

- Quỹ nhà ở công vụ cấp xã: 618 căn, khoảng 36.475 m^2 sàn, hình thành từ 02 nguồn

+ Cải tạo, sửa chữa, chuyển đổi công năng quỹ nhà dôi dư sau sắp xếp để làm nhà ở công vụ với tổng số 110 căn, khoảng 6.456 m^2 sàn;

+ Đầu tư xây dựng mới tại khu vực phụ cận trung tâm hành chính các xã, phường, đặc khu 508 căn, khoảng 30.019 m^2 sàn.

2.3. Chỉ tiêu nhà ở hoàn thành đưa vào sử dụng theo chương trình mục tiêu quốc gia

Trong từng năm của giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo hoàn thành toàn bộ việc hỗ trợ về nhà ở theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 theo kế hoạch phân bổ vốn được phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành hỗ trợ cho 662 hộ theo kết quả rà soát năm 2026 và các hộ phát sinh mới trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

Bên cạnh đó, thực hiện rà soát, xây dựng phương án hỗ trợ xóa nhà tạm nhà dột nát cho đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thông qua Quỹ "Vì người nghèo" trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Văn bản số 270/TTg-KHVX ngày 21 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

2.4. Chỉ tiêu về chất lượng nhà ở tại đô thị và nông thôn trên địa bàn

Đến năm 2030, đảm bảo tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố trên địa bàn tỉnh đạt trên 95%; tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố giảm xuống dưới 5% và không phát sinh mới nhà ở đơn sơ, nhà tạm, nhà dột nát.

Tại khu vực đô thị, đảm bảo tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 100%. Tại khu vực nông thôn, đảm bảo nhà ở xây dựng mới trong giai đoạn 2026 - 2030 đạt chất lượng kiên cố, bán kiên cố; giảm số lượng nhà ở thiếu kiên cố so với hiện trạng năm 2025.

3. Nhu cầu nguồn vốn để phát triển nhà ở

3.1. Vốn ngân sách trung ương

Nhu cầu nguồn vốn ngân sách trung ương trong giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 26,48 tỷ đồng chủ yếu tập trung với nội dung hỗ trợ về nhà ở theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho tổng cộng khoảng 662 hộ với mức 40 triệu đồng/hộ. Việc bố trí, sử dụng nguồn vốn thực tế thực hiện theo phân bổ của ngân sách trung ương.

3.2. Vốn ngân sách địa phương

Nguồn vốn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 chủ yếu tập trung với 02 nội dung:

a) Hỗ trợ về nhà ở theo chương trình mục tiêu

Nhu cầu nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ về nhà ở theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 2,65 tỷ đồng *(cho tổng cộng 662 hộ với mức 4 triệu đồng/hộ)*. Nguồn vốn thực tế bố trí từ kinh phí chi thường xuyên, đảm bảo phù hợp với kế hoạch thực hiện và kế hoạch phân bổ vốn ngân sách trung ương.

b) Phát triển nhà ở công vụ

Nguồn vốn ngân sách tỉnh để phát triển nhà ở công vụ trong giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 368,95 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư xây dựng mới 269 căn nhà ở công vụ cấp tỉnh, khoảng 16.159 m^2 sàn với tổng nguồn vốn khoảng 125,72 tỷ đồng;

- Cải tạo, sửa chữa, chuyển đổi công năng quỹ nhà dôi dư sau sắp xếp tại các xã, phường, đặc khu để làm 110 căn nhà ở công vụ, khoảng 6.456 m^2 sàn với tổng nguồn vốn khoảng 9,68 tỷ đồng;

- Đầu tư xây dựng mới 508 căn nhà ở công vụ tại các xã, phường, đặc khu, khoảng 30.019 m^2 sàn với tổng nguồn vốn khoảng 233,55 tỷ đồng.

Nguồn vốn để phát triển nhà ở công vụ nêu trên chưa bao gồm kinh phí mua sắm trang thiết bị theo tiêu chuẩn quy định.

Nhu cầu nguồn vốn nêu trên là số liệu dự kiến phục vụ công tác lập Kế hoạch phát triển nhà ở; việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, cân đối và bố trí vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3.3. Nguồn vốn khác (vốn xã hội hóa)

Nguồn vốn khác (vốn xã hội hóa) để phát triển nhà ở trong giai đoạn 2026 - 2030 được dự kiến bao gồm:

- Nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức là 101.548,63 tỷ đồng để thực hiện đầu tư xây dựng khoảng 9.955.748 m^2 sàn nhà ở thương mại;

- Nguồn vốn tối thiểu của các doanh nghiệp, tổ chức là khoảng 4.696,24 tỷ đồng để thực hiện đầu tư xây dựng tối thiểu khoảng 513.250 m^2 sàn nhà ở xã hội *(đối với trường hợp hoàn thành mục tiêu phấn đấu tối đa theo nhu cầu trong giai đoạn 2026 - 2030 là 2.457.750 m^2 sàn thì nguồn vốn cần thu hút từ các doanh nghiệp để đầu tư xây dựng các công trình nhà ở xã hội là 23.791,02 tỷ đồng)*;

- Nguồn vốn của các hộ gia đình, cá nhân là khoảng 177.721,33 tỷ đồng tự chi trả, huy động để phát triển nhà ở của mình với khoảng 22.847.102 m^2 sàn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

Đăng tải công khai Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp và đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Căn cứ chỉ tiêu phát triển quỹ nhà ở công vụ cấp tỉnh theo Kế hoạch được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát nhu cầu, đề xuất phương án đầu tư xây dựng mới và dự kiến nguồn vốn, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm để tổ chức thực hiện.

Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá việc thực hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở để có các giải pháp triển khai đạt hiệu quả và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về Bộ Xây dựng.

Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai, khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê và tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh báo cáo về Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, thống nhất của thông tin, số liệu, chỉ tiêu, danh mục dự án và các nội dung tham mưu tại Kế hoạch; bảo đảm sự phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và quy định pháp luật hiện hành. Trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động rà soát, đánh giá tính khả thi, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì tham mưu các nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và xử lý các trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan có liên quan rà soát, cân đối chỉ tiêu sử dụng đất, bảo đảm quỹ đất phát triển nhà ở, nhà ở xã hội phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định pháp luật có liên quan.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan có liên quan rà soát, đề xuất phương án khai thác, sử dụng quỹ nhà, đất dôi dư sau sắp xếp để phát triển nhà ở, nhà ở công vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát nhu cầu, khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nhà ở theo Kế hoạch được phê duyệt; tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm để triển khai thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các dự án đầu tư xây dựng nhà ở chậm tiến độ, không triển khai thực hiện; tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan rà soát, đánh giá nhu cầu nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý; đề xuất địa điểm, quy mô, quỹ đất, phương án đầu tư và phối hợp đôn đốc triển khai các dự án nhà lưu trú công nhân theo quy định.

6. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan rà soát, xác định nhu cầu nhà ở của lực lượng vũ trang; đề xuất địa điểm, quy mô, quỹ đất và phương án đầu tư các dự án nhà ở phục vụ lực lượng vũ trang theo quy định pháp luật có liên quan.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc

Cung cấp thông tin, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc phạm vi quản lý.

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất xử lý các dự án đầu tư xây dựng nhà ở chậm tiến độ, không triển khai thực hiện trên địa bàn đặc khu Phú Quốc theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

8. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Tổ chức triển khai các chương trình tín dụng chính sách về nhà ở theo quy định; tạo điều kiện cho các đối tượng đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để mua, thuê mua, xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở.

Thực hiện huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách về nhà ở theo chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật có liên quan.

9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân và Nhân dân tham gia thực

hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở; quan tâm hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách và các đối tượng có khó khăn về nhà ở theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nhà ở trên địa bàn theo Kế hoạch được phê duyệt; theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và báo cáo Sở Xây dựng theo quy định, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Rà soát, cập nhật nhu cầu phát triển nhà ở, quỹ đất và tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn; thực hiện công tác quản lý nhà nước về nhà ở, trật tự xây dựng và phối hợp thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng theo thẩm quyền.

Rà soát, xác định nhu cầu, số lượng, vị trí dự kiến đầu tư xây dựng mới nhà ở công vụ hoặc cải tạo, sửa chữa, chuyển đổi công năng quỹ nhà, đất dôi dư để làm nhà ở công vụ; đề xuất phương án thực hiện, nhu cầu kinh phí, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, xem xét theo quy định.

Rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ nhà ở của người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng thuộc chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

Thực hiện việc cập nhật, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; phối hợp tham mưu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, chủ động phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030; kịp thời cung cấp thông tin, phối hợp xử lý khó khăn, vướng mắc và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, số liệu, tài liệu thuộc phạm vi quản lý do mình cung cấp; chủ động rà soát, cập nhật và phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình triển khai, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh Kế hoạch theo quy định.

12. Đơn vị tư vấn lập Kế hoạch

Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết về tính chính xác, đầy đủ, thống nhất của số liệu, tài liệu, phương pháp tính toán, các chỉ tiêu và nội dung chuyên môn trong hồ sơ Kế hoạch do đơn vị thực hiện; phối hợp

với Sở Xây dựng rà soát, giải trình, chỉnh sửa, bổ sung và khắc phục các sai sót, tồn tại (nếu có) thuộc trách nhiệm của đơn vị tư vấn.

13. Nguyên tắc triển khai thực hiện

Việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 không thay thế việc thực hiện các trình tự, thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

Việc triển khai các dự án, khu vực dự kiến phát triển nhà ở trong Kế hoạch phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật có liên quan. Việc đưa dự án, khu vực dự kiến phát triển nhà ở vào Kế hoạch không đồng nghĩa với việc chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, giao đất, cho thuê đất hoặc chấp thuận các nội dung khác thuộc thẩm quyền của cơ quan nhà nước theo quy định pháp luật.

Nhu cầu vốn đầu tư và nguồn lực thực hiện được xác định trong Kế hoạch là cơ sở dự kiến để nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện; không thay thế việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, cân đối, phân bổ và bố trí vốn ngân sách nhà nước theo quy định. Việc triển khai thực hiện phải phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao và tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; Trung tâm nghiên cứu nhà ở và thị trường bất động sản thuộc Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản - Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c)
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, P.KT, TT.CBTH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Sở Xây dựng (10b), tnvnam "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức